

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/7/2020  
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN – TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vinh Bình**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Mạnh Tiến** và ông **Phạm Ngọc Trung**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thanh**.

Lúc 08 giờ 00 phút ngày 15/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXX-ST ngày 08/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1970; Trú tại: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh P. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Đỗ Ngọc A**, sinh năm 1968; Trú tại: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh P. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà T và ông A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 1989, được UBND xã A, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, lý do: ông A thiếu có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập bà T. Trước đây, vào năm 2015 bà T đã nộp đơn xin ly hôn, sau đó đã tự nguyện rút đơn, tạo điều kiện cho ông A sửa đổi, cùng xây dựng gia đình, nhưng ông A vẫn không thay đổi. Hiện nay mâu thuẫn gia đình đã đến mức nghiêm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà T không còn tình cảm với ông A nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- **Về con chung:** Có 02 con chung tên **Đỗ Ngọc H**, sinh năm 1990 và **Đỗ Ngọc H**, sinh năm 1996. Hiện nay các con đã thành niên, có khả năng lao động

nên bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

**\*Tại phiên hòa giải ngày 22/5/2020, bị đơn ông Đỗ Ngọc A trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng ông Đỗ Ngọc A thống nhất hoàn toàn theo trình bày của bà T. Tuy nhiên, ông A cho rằng hiện nay ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà T. Trước khi Tòa án triệu tập giải quyết ông đã cố gắng động viên bà T rút đơn ly hôn để vợ chồng tiếp tục sống chung xây dựng gia đình nhưng bà T không đồng ý. Do đó, ông Đỗ Ngọc A không đồng ý yêu cầu ly hôn theo yêu cầu của bà T.

**Về con chung:** Có 02 con chung tên Đỗ Ngọc H – sinh năm 1990 và cháu Đỗ Ngọc H – sinh năm 1996. Hiện cả 02 con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Về tài sản chung:** Ông A không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, xin được ly hôn với anh Đỗ Ngọc A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* **Về thủ tục tố tụng:** Ông Đỗ Ngọc A có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

\* **Về nội dung:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà T và ông A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1989 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà T khẳng định không còn tình cảm với ông A, mâu thuẫn gia đình đã rất trầm trọng. HĐXX xét thấy: tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng đã được bị đơn ông Đỗ Ngọc A thừa nhận tại phiên hòa giải ngày 22/5/2020; Năm 2015, bà T đã từng rút đơn tạo cơ hội cho ông A sửa đổi nhưng đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện; Yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của ông A không được bà T chấp nhận. Vì vậy, HĐXX xác định mâu thuẫn của vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Đỗ Ngọc A đã đến mức nghiêm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

\* **Về con chung:** Có 02 con chung tên Đỗ Ngọc H, sinh năm 1990 và Đỗ Ngọc H, sinh năm 1996. Tuy nhiên, các con của bà T và ông A đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu gì nên HĐXX không xét giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**\* Về án phí:** Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm;  
*Vì các lẽ trên*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 35, 147, 227 và 150 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T. Bà T được ly hôn với ông Đỗ Ngọc A.

- *Về con chung và tài sản chung:* Không giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vì đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng tại biên lai thu tiền số 0011937 ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan THTT;
- Người TGTT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vinh Bình**